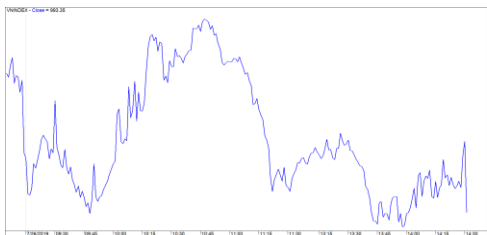


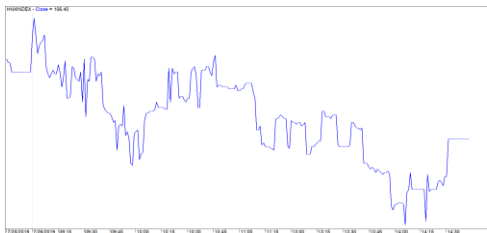
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	993.35	106.40	58.82
% ngày	-0.16%	-0.34%	-0.88%
% tuần	1.22%	-0.63%	2.22%
% tháng	3.67%	2.36%	6.19%
% năm	6.89%	1.74%	18.04%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,300	356	595
TB 1 tuần	3,923	409	465
TB 1 tháng	3,781	399	325
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	340.37	51.43	26.12
Bán	272.63	40.46	32.80
Giá trị ròng	67.74	10.96	-6.68
Độ rộng TT			
Mã Tăng	117	92	211
Mã Giảm	170	66	130
Không Đổi	102	209	551
Chỉ số chính			
P/E	17.00	9.60	19.33
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,362	192	1,014
LS Cổ tức	1.64%	2.96%	6.68%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Không xuất hiện cổ phiếu dẫn dắt như phiên liền trước khiến các chỉ số biến động trong biên độ hẹp phiên cuối tuần. VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng lên mốc 988,52 nhưng thoái lùi sau đó chốt phiên giảm nhẹ 0.16% dừng tại mức 993.35 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng giảm 0.34% dừng tại 106.4 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 0.88% neo tại 58.82 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3,550 tỷ đồng giảm 13% so với phiên liền trước.

Thị trường giao dịch khá trầm lắng phiên cuối tuần. Mặc dù vậy, các cổ phiếu vẫn có hiện tượng tăng giảm đan xen với VCB(1%), BID(1.7%), SSI(0.2%), GMD(0.4%), HPG(0.7%), FPT(0.3%) tăng giá trong khi nhóm cổ phiếu Vingroup chính nhẹ cùng với SAB(-1.4%), REE(-1.5%), MWG(-1.1%), TCB(-0.5%) giảm điểm. Nhóm Ngân hàng vẫn đang phân hóa mạnh khi BID, VCB đang mạnh hơn thị trường chung trong khi CTG, MBB, ACB, TCB... đang có hơn 3 phiên giảm điểm liên tiếp. Nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ giao dịch sôi động hơn như TDH(1.5%), SCR(1.3%), IJC(6.6%), TGG(5.3%), SZL(4.1%), DQC(3.6%)...

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị hơn 72 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, VCB(37 tỷ), VHM(16 tỷ), VRE(15 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VNM(22 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ 987 – 990 điểm. Đồng thời, các chỉ số chính VN-Index và VN30 có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy và áp lực chốt lời có chiều hướng gia tăng ở nhóm cổ phiếu Largecaps. Điểm tiêu cực chúng tôi nhận thấy là độ rộng thị trường trở nên tiêu cực hơn cho thấy đà tăng ngắn hạn có thể sẽ suy yếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm nhẹ trở lại cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn là nên cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số với mức hỗ trợ ở mức 975.53 điểm của chỉ số VN-Index và 105.88 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị, đặc biệt nên hạn chế mua đuổi ở các cổ phiếu đã tăng mạnh.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 44% cổ phiếu/56% tiền.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 47% cổ phiếu/53% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.54%		16.85	17.01	10.98%	
ACB	23.40	GIẢM	GIẢM		24.81				24.18		
ACV	81.90	GIẢM	TĂNG		85.58			90.00	81.77	-9.00%	
ANV	26.80	GIẢM	GIẢM		27.87				30.56		
ASM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.09				7.66		
BFC	16.70	GIẢM	GIẢM		17.56				20.36		
BID	35.80	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	9.65%		33.40	31.23	7.19%	
BMP	49.70	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	11.69%		48.30	44.48	2.90%	
BSR	11.50	GIẢM	GIẢM		11.64				13.56		
BVH	85.40	GIẢM	TĂNG		87.73			85.40	85.11	0.00%	MUA
BWE	27.15	GIẢM	TĂNG	25.85	27.42	6.08%	BÁN	20.00	25.45	35.75%	
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM		10.98				11.33		
CII	21.95	GIẢM	GIẢM		22.69				23.79		
CMG	40.80	TĂNG	TĂNG	37.80	37.86	7.94%		23.20	32.35	75.86%	
CMX	26.30	TĂNG	TĂNG	23.75	24.28	10.74%		5.91	21.62	345.01%	
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		15.13			14.39	14.22	1.46%	
CTD	112.70	TĂNG	TĂNG	102.00	106.24	10.49%		112.70	112.01	0.00%	MUA
CTG	21.20	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	0.71%			22.80		
CTI	22.90	GIẢM	GIẢM		23.32				24.90		
CTR	42.50	TĂNG	N/A	28.80	37.52	47.57%		-	3.70		
CVT	19.85	GIẢM	TĂNG	19.25	19.91	3.43%	BÁN	20.35	18.32	-2.46%	
DCM	7.98	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-6.12%			8.60		
DGC	31.90	TĂNG	TĂNG	31.30	30.47	1.92%		31.90	31.31	0.00%	MUA
DGW	23.20	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	6.18%		23.50	21.23	-1.28%	
DHA	36.70	TĂNG	TĂNG	32.25	34.73	13.80%		29.10	32.44	26.12%	
DHC	35.00	GIẢM	TĂNG		35.97			35.20	33.00	-0.57%	
DHG	101.50	GIẢM	GIẢM		105.77				113.13		
DIG	13.70	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-2.84%			14.54		
DPG	41.50	TĂNG	TĂNG	39.40	38.57	5.33%		40.02	34.78	3.70%	
DPM	14.70	GIẢM	GIẢM		15.50				17.10		
DPR	43.80	GIẢM	TĂNG		44.48			42.50	40.21	3.06%	
DQC	20.05	TĂNG	GIẢM	18.60	17.93	7.80%			20.27		
DRC	19.35	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	-0.26%			20.88		
DXG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.21				20.75		

We Create Fortune

EIB	17.65	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	20.07%	
FCN	13.80	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-10.97%		16.05	13.18	-14.02%	
FMC	30.00	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.63%			30.62		
FPT	48.80	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.96%		46.00	44.31	6.09%	
GAS	108.00	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-0.83%			113.06		
GEX	22.50	TĂNG	GIẢM	22.20	21.52	1.35%			23.15		
GIL	26.00	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-4.76%			29.00		
GMD	26.65	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-1.66%			27.99		
GTN	17.90	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.37	19.33%	
GVR	14.60	TĂNG	GIẢM	13.50	13.92	8.15%			N/A		
HAG	5.14	GIẢM	GIẢM		5.47				5.62		
HAX	18.80	GIẢM	TĂNG		19.60			15.75	17.24	19.37%	
HBC	14.35	GIẢM	GIẢM		14.92				17.06		
HCM	21.75	GIẢM	GIẢM		23.48				26.60		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.62%			28.59		
HDC	16.15	TĂNG	TĂNG	15.25	15.35	5.90%		15.25	13.47	5.90%	
HDG	36.40	TĂNG	TĂNG	32.70	34.79	11.31%		35.30	31.65	3.12%	
HNG	17.90	GIẢM	TĂNG	15.75	17.91	13.69%	BÁN	17.10	16.59	4.68%	
HPG	22.55	TĂNG	GIẢM	22.40	20.76	0.67%			23.96		
HSG	7.41	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-2.88%		9.30	7.01	-20.32%	
HT1	15.70	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.08%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVN	42.75	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	9.62%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	7.69%		15.35	13.75	0.33%	
KDH	21.80	GIẢM	GIẢM		22.57				24.14		
KSB	21.25	GIẢM	GIẢM		22.42				24.86		
LCG	10.40	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.48%			11.44		
LDG	8.08	GIẢM	GIẢM		8.51				9.57		
LHG	17.95	GIẢM	TĂNG		18.89			19.30	17.32	-6.99%	
LPB	8.10	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-3.57%			8.51		
LSS	5.20	GIẢM	GIẢM		5.42				5.84		
MBB	22.35	TĂNG	TĂNG	21.30	22.06	4.93%		21.85	20.15	2.29%	
MPC	36.90	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	3.36%			40.20		
MSN	80.90	TĂNG	GIẢM	80.70	76.92	0.25%			86.73		
MSR	17.70	GIẢM	GIẢM		18.44				20.71		
MWG	106.70	TĂNG	TĂNG	88.30	104.46	20.84%		88.70	94.10	20.29%	
NDN	17.40	TĂNG	TĂNG	14.10	16.54	23.40%		13.70	14.71	27.01%	
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.34				7.08		
NLG	29.85	TĂNG	TĂNG	29.90	29.05	-0.17%		28.70	27.83	4.01%	



We Create Fortune

NT2	25.50	GIẢM	GIẢM		26.36				28.54		
NTL	25.40	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	10.68%		10.45	22.09	143.06%	
NVL	58.30	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PAC	32.55	GIẢM	GIẢM		34.62				37.32		
PC1	17.80	GIẢM	GIẢM		18.74				20.15		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.75%		29.00	24.63	-8.79%	
PHR	69.00	TĂNG	TĂNG	61.20	65.98	12.75%		24.00	55.08	187.50%	
PLX	65.80	TĂNG	TĂNG	64.20	64.21	2.49%		62.40	58.93	5.45%	
PNJ	78.20	TĂNG	TĂNG	77.00	74.40	1.56%		104.00	72.08	-24.81%	
POW	14.15	GIẢM	TĂNG		14.67			15.70	13.92	-9.87%	
PVT	17.05	GIẢM	GIẢM		17.43				17.62		
PPC	27.45	GIẢM	GIẢM		29.24			19.70	27.86	41.43%	BÁN
PTB	68.10	GIẢM	TĂNG		69.97			64.00	64.57	6.41%	
PVB	20.70	TĂNG	TĂNG	20.20	19.32	2.48%		20.10	16.91	2.99%	
PVD	18.45	GIẢM	TĂNG		19.00			18.50	17.78	-0.27%	
PVI	37.10	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVS	22.70	GIẢM	TĂNG		23.83			21.10	21.47	7.58%	
PXS	5.66	TĂNG	TĂNG	5.70	5.23	-0.70%		4.85	4.61	16.70%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	30.47	-7.10%		33.80	27.71	-7.10%	
REE	32.75	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	-1.73%	
SAB	278.90	GIẢM	TĂNG		289.12			245.00	259.03	13.84%	
SAM	8.10	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.82%		7.40	7.69	9.46%	
SCR	7.15	GIẢM	GIẢM		7.18				7.55		
SHI	8.77	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.53%		6.99	7.45	25.46%	
SJS	17.60	GIẢM	GIẢM		18.54			-	19.93		
SKG	11.80	GIẢM	GIẢM		12.17				12.61		
SSI	24.40	GIẢM	GIẢM		25.34				26.98		
STB	11.15	GIẢM	GIẢM		11.64				12.32		
TCB	20.80	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-2.80%			22.88		
TCM	26.45	GIẢM	GIẢM		27.29				30.59		
TDH	9.19	GIẢM	TĂNG		9.67			11.65	9.17	-21.12%	
TLH	4.93	GIẢM	TĂNG		5.07			5.39	4.80	-8.53%	
TNG	20.60	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	4.57%		12.00	18.79	71.67%	
VCB	78.50	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	13.44%		62.00	69.83	26.61%	
VCG	26.10	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	35.94%	
VCS	77.20	TĂNG	TĂNG	61.20	75.55	26.14%		68.00	67.43	13.53%	
VGC	20.30	TĂNG	GIẢM	20.50	19.79	-0.95%			20.64		
VGT	9.90	GIẢM	GIẢM		10.38				11.62		

We Create Fortune

VHC	87.90	GIẢM	GIẢM	89.50	88.29	-1.36%	BÁN		95.80		
VHM	87.50	TĂNG	GIẢM	81.00	83.73	8.02%			87.75		
VIB	19.10	TĂNG	TĂNG	17.00	18.09	12.35%		17.70	16.35	7.91%	
VIC	122.10	TĂNG	TĂNG	119.80	118.79	1.92%		112.00	108.25	9.02%	
VIP	5.25	GIẢM	GIẢM		5.74				5.95		
VJC	133.00	TĂNG	TĂNG	123.30	129.57	7.87%		124.50	120.97	6.83%	
VND	14.90	GIẢM	GIẢM		15.34				16.69		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.91			21.50	20.58	-4.29%	BÁN
VNM	124.50	TĂNG	GIẢM	126.90	123.30	-1.89%			133.60		
VPB	18.75	GIẢM	GIẢM		19.57				19.82		
VPI	41.35	GIẢM	GIẢM		41.91				42.86		
VRC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.39				16.99		
VRE	37.40	TĂNG	TĂNG	35.75	36.18	4.62%		35.00	32.81	6.86%	
VSC	30.90	GIẢM	GIẢM		32.04				34.25		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.40	GIẢM	GIẢM		24.81				24.18		
BID	35.80	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	9.65%		33.40	31.23	7.19%	
BSR	11.50	GIẢM	GIẢM		11.64				13.56		
BVH	85.40	GIẢM	TĂNG		87.73			85.40	85.11	0.00%	MUA
CTG	21.20	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	0.71%			22.80		
EIB	17.65	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	20.07%	
FPT	48.80	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.96%		41.00	44.31	19.03%	
GAS	108.00	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-0.83%			113.06		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.62%			28.59		
HNG	17.90	GIẢM	TĂNG	15.75	17.91	13.69%	BÁN	17.10	16.59	4.68%	
HPG	22.55	TĂNG	GIẢM	22.40	20.76	0.67%			23.96		
HVN	42.75	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	9.62%	
KDH	21.80	GIẢM	GIẢM		22.57				24.14		
MBB	22.35	TĂNG	TĂNG	21.30	22.06	4.93%		21.27	20.15	5.07%	
MSN	80.90	TĂNG	GIẢM	80.70	76.92	0.25%			86.73		
MWG	106.70	TĂNG	TĂNG	88.30	104.46	20.84%		88.70	94.10	20.29%	
NVL	58.30	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PLX	65.80	TĂNG	N/A	64.20	64.21	2.49%		62.40	58.93	5.45%	

We Create Fortune

PNJ	78.20	TĂNG	TĂNG	77.00	74.40	1.56%		77.88	72.08	0.41%	
POW	14.15	GIẢM	TĂNG		14.67			15.70	13.92	-9.87%	
PVS	22.70	GIẢM	TĂNG		23.83			21.10	21.47	7.58%	
QNS	31.40	TĂNG	TĂNG	33.80	30.47	-7.10%		33.80	27.71	-7.10%	
REE	32.75	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	-1.73%	
ROS	27.45	GIẢM	TĂNG		28.83			34.80	27.33	-21.12%	
SSI	24.40	GIẢM	GIẢM		25.34				26.98		
STB	11.15	GIẢM	GIẢM		11.64				12.32		
TCB	20.80	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-2.80%			22.88		
TPB	22.95	GIẢM	GIẢM		23.56				N/A		
VCB	78.50	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	13.44%		62.00	69.83	26.61%	
VCG	26.10	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	41.53%	
VEA	64.50	TĂNG	GIẢM	62.10	60.99	3.86%			N/A		
VGI	31.10	TĂNG	GIẢM	29.50	28.41	5.42%			N/A		
VHM	87.50	TĂNG	GIẢM	81.00	83.73	8.02%			87.75		
VIB	19.10	TĂNG	TĂNG	17.00	18.09	12.35%		17.70	16.35	7.91%	
VIC	122.10	TĂNG	TĂNG	119.80	118.79	1.92%		112.00	108.25	9.02%	
VJC	133.00	TĂNG	TĂNG	123.30	129.57	7.87%		124.50	120.97	6.83%	
VNM	124.50	TĂNG	GIẢM	126.90	123.30	-1.89%			133.60		
VPB	18.75	GIẢM	GIẢM		19.57				19.82		
VRE	37.40	TĂNG	TĂNG	35.75	36.18	4.62%		34.00	32.81	10.01%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.54%		16.85	17.01	10.98%	
ANV	26.80	GIẢM	GIẢM		27.87				30.56		
ASM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.09				7.66		
BMP	49.70	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	11.69%		48.30	44.48	2.90%	
BWE	27.15	GIẢM	TĂNG	25.85	27.42	6.08%	BÁN	19.44	25.45	39.66%	
C4G	8.60	TĂNG	#N/A	8.70	7.92	-1.15%		-	#N/A		
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM		10.98				11.33		
CII	21.95	GIẢM	GIẢM		22.69				23.79		
CRE	25.30	TĂNG	#N/A	25.55	24.88	-0.98%		-	#N/A		
CTI	22.90	GIẢM	GIẢM		23.32				24.90		
CTR	42.50	TĂNG	#N/A	28.80	37.52	47.57%		-	#N/A		
DCM	7.98	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-6.12%			8.60		



We Create Fortune

DHC	35.00	GIẢM	TĂNG		35.97			35.20	33.00	-0.57%	
DIG	13.70	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-2.84%			14.54		
DPM	14.70	GIẢM	GIẢM		15.50				17.10		
DRC	19.35	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	-0.26%			20.88		
DXG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.21				20.75		
E1VFN30	14.75	TĂNG	GIẢM	14.59	14.46	1.10%			15.16		
FCN	13.80	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-10.97%		16.05	13.18	-14.02%	
FLC	4.12	GIẢM	GIẢM		4.26				4.63		
FTM	24.15	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	22.18	48.62%	
GEG	25.30	TĂNG	TĂNG	22.80	23.74	10.96%		12.90	20.50	96.12%	
GEX	22.50	TĂNG	GIẢM	22.20	21.52	1.35%			23.15		
GMD	26.65	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-1.66%			27.99		
GTN	17.90	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.37	19.33%	
GVR	14.60	TĂNG	#N/A	13.50	13.92	8.15%		-	#N/A		
HAG	5.14	GIẢM	GIẢM		5.47				5.62		
HBC	14.35	GIẢM	GIẢM		14.92				17.06		
HCM	21.75	GIẢM	GIẢM		23.48				26.60		
HDG	36.40	TĂNG	TĂNG	32.70	34.79	11.31%		35.30	31.65	3.12%	
HPX	26.60	TĂNG	#N/A	26.60	25.86	0.00%		-	#N/A		
HSG	7.41	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-2.88%		8.45	7.01	-12.33%	
HT1	15.70	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.08%	
IBC	21.30	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.91%		24.90	20.15	-14.46%	
IDI	7.14	GIẢM	GIẢM		7.44				8.29		
IJC	11.35	TĂNG	GIẢM	11.35	11.18	0.00%	MUA		11.50		
ITA	3.08	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.83	-3.75%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	7.69%		15.35	13.75	0.33%	
KSB	21.25	GIẢM	GIẢM		22.42				24.86		
LDG	8.08	GIẢM	GIẢM		8.51				9.57		
LPB	8.10	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-3.57%			8.51		
MBS	16.00	TĂNG	#N/A	16.10	13.64	-0.62%		16.00	#N/A	#N/A	
MPC	36.90	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	3.36%			40.20		
NBB	21.90	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.45%		21.50	19.30	1.86%	
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.34				7.08		
NLG	29.85	TĂNG	TĂNG	29.90	29.05	-0.17%		28.70	27.83	4.01%	
NT2	25.50	GIẢM	GIẢM		26.36				28.54		
NTC	189.80	TĂNG	#N/A	144.00	177.49	31.81%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.40	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	10.68%		9.33	22.09	172.20%	
NVB	8.00	GIẢM	GIẢM		8.29				9.00		

We Create Fortune

OGC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.15				4.74		
PC1	17.80	GIẢM	GIẢM		18.74				20.15		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.75%		23.60	24.63	12.10%	
PHR	69.00	TĂNG	TĂNG	61.20	65.98	12.75%		22.86	55.08	201.78%	
PPC	27.45	GIẢM	GIẢM		29.24			17.42	27.86	59.93%	BÁN
PTB	68.10	GIẢM	TĂNG		69.97			60.78	64.57	12.04%	
PVD	18.45	GIẢM	TĂNG		19.00			18.50	17.78	-0.27%	
PVI	37.10	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVT	17.05	GIẢM	GIẢM		17.43				17.62		
QCG	4.32	TĂNG	GIẢM	4.62	4.31	-6.49%			5.32		
SAM	8.10	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.82%		7.40	7.69	9.46%	
SBT	16.25	GIẢM	GIẢM		16.79				18.08		
SCR	7.15	GIẢM	GIẢM		7.18				7.55		
SHB	6.90	GIẢM	GIẢM		7.06				7.42		
SHS	9.30	GIẢM	TĂNG		9.67			12.10	9.22	-23.14%	
SJS	17.60	GIẢM	GIẢM		18.54				19.93		
STK	23.05	GIẢM	TĂNG		24.57			17.00	21.12	35.59%	
SZC	22.45	TĂNG	#N/A	20.45	21.48	9.78%		-	#N/A		
TCH	21.80	GIẢM	GIẢM		22.00				22.45		
TCM	26.45	GIẢM	GIẢM		27.29				30.59		
TNG	20.60	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	4.57%		12.00	18.79	71.67%	
TTB	24.05	TĂNG	GIẢM	22.60	23.35	6.42%			24.16		
VCI	33.50	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	3.72%			35.72		
VGT	9.90	GIẢM	GIẢM		10.38				11.62		
VHC	87.90	GIẢM	GIẢM	89.50	88.29	-1.36%	BÁN		95.80		
VND	14.90	GIẢM	GIẢM		15.34				16.69		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.91			21.50	20.58	-4.29%	BÁN
VPI	41.35	GIẢM	GIẢM		41.91				42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.60	TĂNG	#N/A	9.40	9.29	2.13%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.33	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.69	8.52%	
AMD	1.77	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.15	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	7.65%		9.90	7.90	-7.58%	
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.59				3.00		

We Create Fortune

BCC	8.70	GIẢM	TĂNG		9.06			7.70	7.70	12.99%	
BCG	5.60	GIẢM	TĂNG		5.78			6.39	5.41	-12.36%	
C69	19.80	TĂNG	TĂNG	8.80	18.53	125.00%		5.30	13.87	273.58%	
CCL	6.90	TĂNG	TĂNG	6.38	6.10	8.15%		3.46	4.94	99.42%	
CRC	16.45	TĂNG	GIẢM	15.05	15.86	9.30%			17.35		
CVT	19.85	GIẢM	TĂNG	19.25	19.91	3.43%	BÁN	20.35	18.32	-2.46%	
DAG	7.09	TĂNG	TĂNG	6.55	6.62	8.24%		7.09	7.01	0.00%	MUA
DAH	12.85	GIẢM	TĂNG		14.22			4.66	11.21	175.51%	
DGW	23.20	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	6.18%		23.50	21.23	-1.28%	
DLG	1.56	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.70	GIẢM	GIẢM		7.21				7.76		
DTD	15.00	TĂNG	TĂNG	15.00	14.37	0.00%		12.90	11.85	16.28%	
EVG	2.94	TĂNG	GIẢM	2.87	2.82	2.44%			3.02		
FIT	3.25	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-10.71%	
GKM	15.00	GIẢM	TĂNG		15.41			11.42	14.95	31.29%	
HAH	13.60	TĂNG	TĂNG	12.80	12.94	6.25%		13.00	11.87	4.62%	
HAI	1.88	TĂNG	GIẢM	1.87	1.80	0.53%			1.93		
HAP	3.49	GIẢM	TĂNG		3.67			3.67	3.25	-4.90%	
HAR	3.38	GIẢM	GIẢM		3.88			3.71	3.65	-1.56%	BÁN
HCD	3.82	TĂNG	GIẢM	3.79	3.64	0.79%			4.34		
HDA	11.90	TĂNG	TĂNG	10.50	11.30	13.33%		11.30	10.56	5.31%	
HDC	16.15	TĂNG	TĂNG	15.25	15.35	5.90%		15.25	13.47	5.90%	
HHP	13.30	GIẢM	#N/A		14.59			-	#N/A		
HHS	3.30	GIẢM	GIẢM		3.43				3.69		
HII	11.15	GIẢM	GIẢM		11.66				13.03		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.66	GIẢM	GIẢM		7.84				9.64		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVG	3.08	GIẢM	GIẢM		3.47				4.67		
HVH	26.30	GIẢM	#N/A		29.84			-	#N/A		
JVC	2.84	TĂNG	GIẢM	2.97	2.80	-4.38%			3.22		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.79	GIẢM	TĂNG		2.98			3.68	2.65	-24.18%	
LCG	10.40	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.48%			11.44		
LGL	10.20	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	43.40%	
LHG	17.95	GIẢM	TĂNG		18.89			19.30	17.32	-6.99%	
LMH	17.35	TĂNG	#N/A	17.10	16.77	1.46%		-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.77				3.59		
NDN	17.40	TĂNG	TĂNG	14.10	16.54	23.40%		13.10	14.71	32.78%	

We Create Fortune

PHC	12.70	GIẢM	GIẢM		12.92			14.07			
PVB	20.70	TĂNG	TĂNG	20.20	19.32	2.48%		20.10	16.91	2.99%	
PVC	7.50	GIẢM	TĂNG		8.11			7.10	6.67	5.63%	
PXL	5.70	GIẢM	GIẢM		5.89			7.13			
PXS	5.66	TĂNG	TĂNG	5.70	5.23	-0.70%		4.85	4.61	16.70%	
QBS	3.19	GIẢM	GIẢM		3.36			3.36			
SFG	10.25	GIẢM	GIẢM		10.79			13.67			
SHI	8.77	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.53%		6.23	7.45	40.71%	
SJF	3.08	GIẢM	GIẢM		3.59			3.88			
SKG	11.80	GIẢM	GIẢM		12.17			12.61			
TDH	9.19	GIẢM	TĂNG		9.67			11.65	9.17	-21.12%	
TIG	3.40	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	6.25%	
TLD	5.40	GIẢM	GIẢM		5.51			6.07			
TLH	4.93	GIẢM	TĂNG		5.07			5.85	4.80	-15.73%	
TNI	11.00	TĂNG	GIẢM	11.10	10.66	-0.90%		11.98			
TTF	3.12	GIẢM	TĂNG		3.30			3.99	3.03	-21.80%	
TTH	3.80	GIẢM	GIẢM		4.12			4.60			
TVB	20.10	TĂNG	TĂNG	17.40	18.65	15.52%		20.10	19.27	0.00%	MUA
TVC	14.30	TĂNG	TĂNG	12.50	13.49	14.40%		14.30	13.71	0.00%	MUA
VC3	22.80	GIẢM	TĂNG		23.24			22.00	21.35	3.64%	
VCR	14.90	GIẢM	GIẢM		20.07			28.96			
VNE	3.77	GIẢM	GIẢM		4.00			4.56			
VPG	20.50	GIẢM	TĂNG		21.66			20.46	19.34	0.22%	
VRC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.39			16.99			
YBM	12.00	TĂNG	GIẢM	10.95	11.31	9.59%		12.01			



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	993.35	-0.16%	HNI	106.4	-0.34%	UPCoM	58.82	-0.88%
VN30	887.84	-0.29%	HN30	195.54	-0.33%			
VN Mid	965.32	-0.37%	VNX	865.03	-0.32%			
VN Small	817.13	0.02%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	340.37		Mua	51.43		Mua	26.12	
Bán	272.63		Bán	40.46		Bán	32.80	
GT ròng	67.74		GT ròng	10.96		GT ròng	-6.68	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IJC	700	6.57%	TAR	2200	7.83%	CTR	1500	3.66%
ITC	600	4.17%	DHT	1300	3.31%	BSR	300	2.68%
SZL	1900	4.09%	INN	900	2.43%	VCP	900	2.33%
PGD	1000	3.13%	NTP	700	1.77%	VEA	900	1.42%
SZC	450	2.05%	SHS	100	1.09%	SWC	100	0.81%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVH	-850	-3.13%	VCR	-800	-5.10%	EVF	-300	-3.85%
FRT	-1600	-2.83%	HUT	-100	-4.00%	HTM	-400	-3.70%
YEG	-2000	-2.70%	ACB	-300	-1.27%	HND	-400	-2.78%
HCM	-500	-2.25%	NDN	-200	-1.14%	LPB	-200	-2.41%
TNI	-250	-2.22%	PVI	-300	-0.80%	SIP	-2000	-2.20%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	412,219		ACB	38,425		ACV	178,484	
VHM	293,082		VCS	12,199		VGI	95,080	
VCB	288,180		VCG	11,617		VEA	84,562	
VNM	217,848		PVS	10,898		GVR	59,592	
GAS	206,707		PVI	8,643		MCH	57,313	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	15,886,800	13,042,483	SHB	7,845,887	4,995,564	BSR	1,965,605	1,361,081
HPG	11,272,570	6,419,116	ART	2,411,920	488,587	NTC	1,614,462	140,523
GEX	5,932,320	2,924,584	CEO	2,211,207	931,120	GVR	1,321,075	1,333,704
VHM	5,653,760	1,933,910	S99	1,946,600	191,735	VCP	1,319,874	354,269
MBB	4,449,350	4,064,404	VIX	1,909,041	404,443	SWC	808,400	45,278

Nguồn: Bloomberg & YSVN

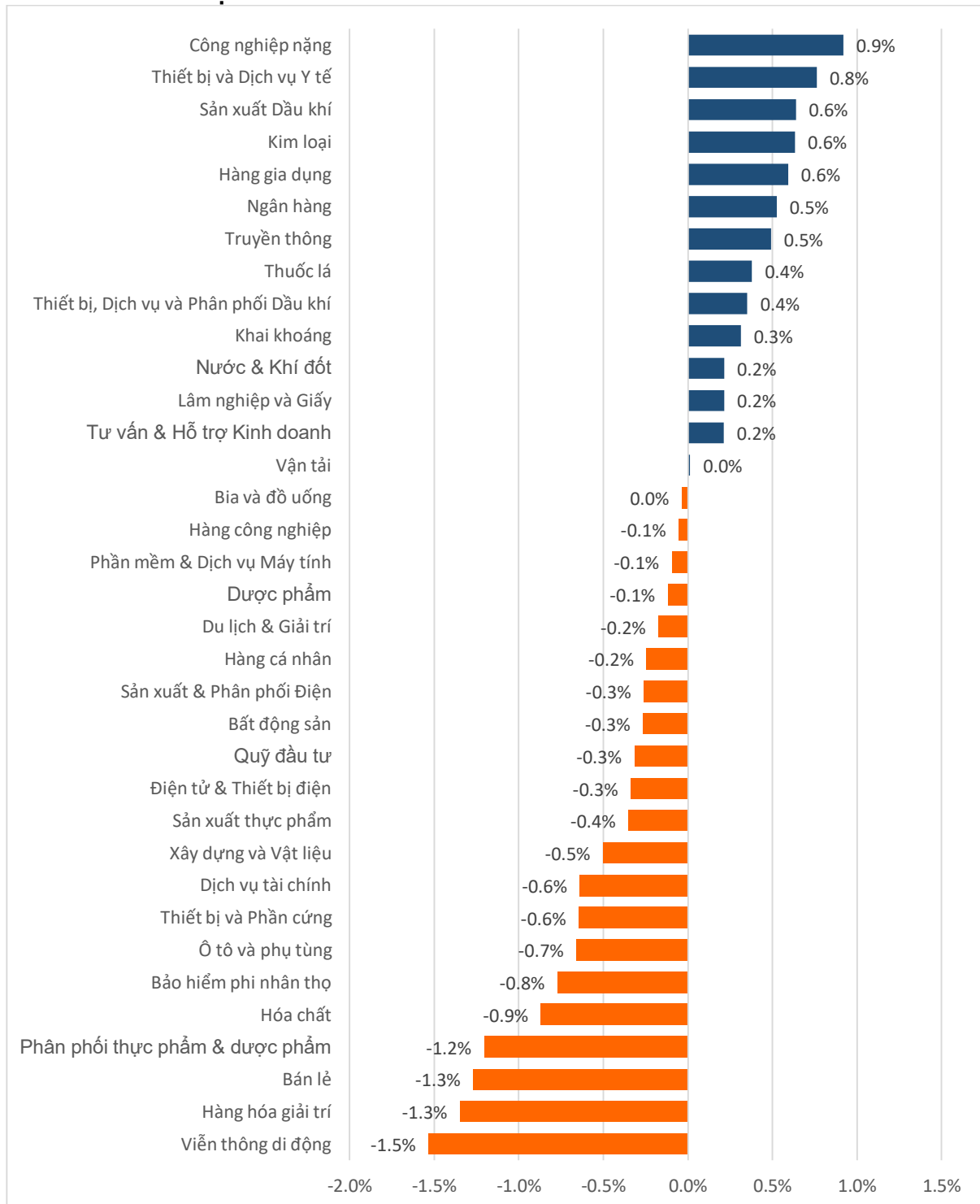
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



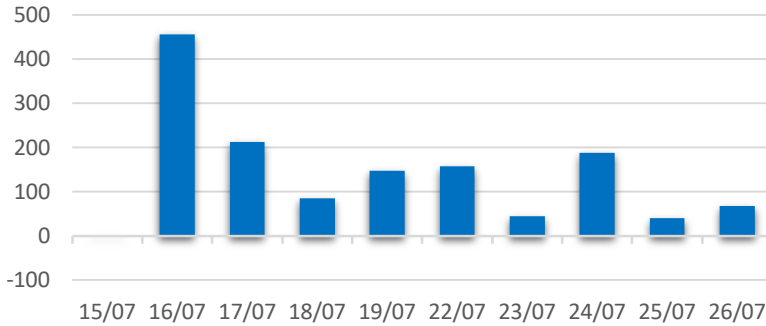
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

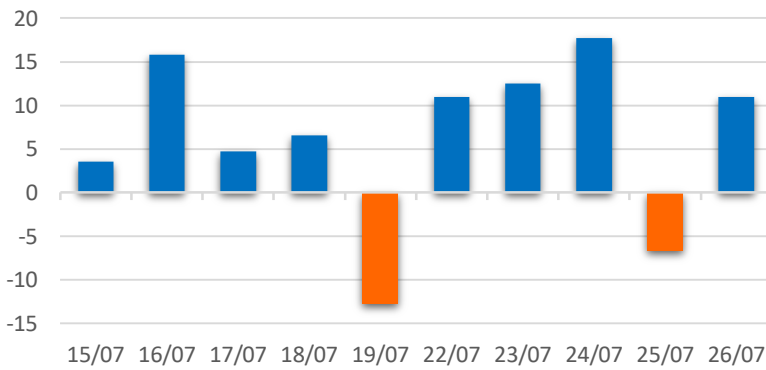
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	37,163	VNM	22,648
VHM	15,544	HPG	7,479
VRE	15,210	DXG	5,912
GAS	10,793	STB	5,759
CTD	8,700	HCM	5,027

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

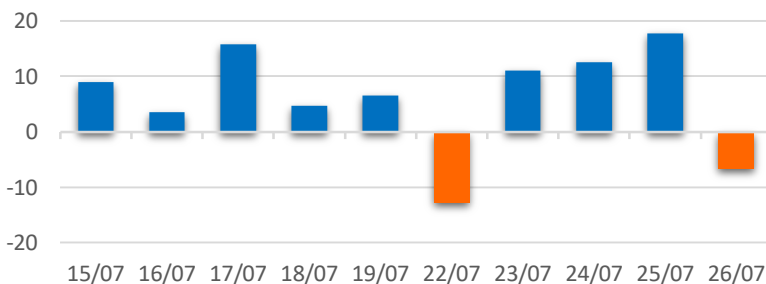
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	615	CEO	1,710
ART	477	PVS	1,228
HMH	117	VGS	1,087
MPT	96	DGC	274
IDV	86	TNG	209

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	10,458	VEA	3,538
QNS	3,374	VTP	1,417
KDF	883	VGT	500
ACV	648	QTP	251
GVR	330	WSB	144

Error! Not a valid link.

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



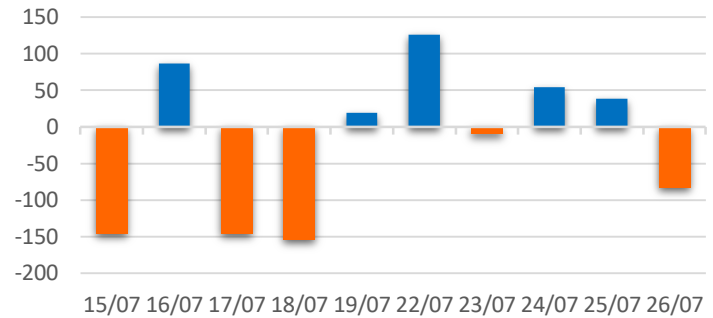
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

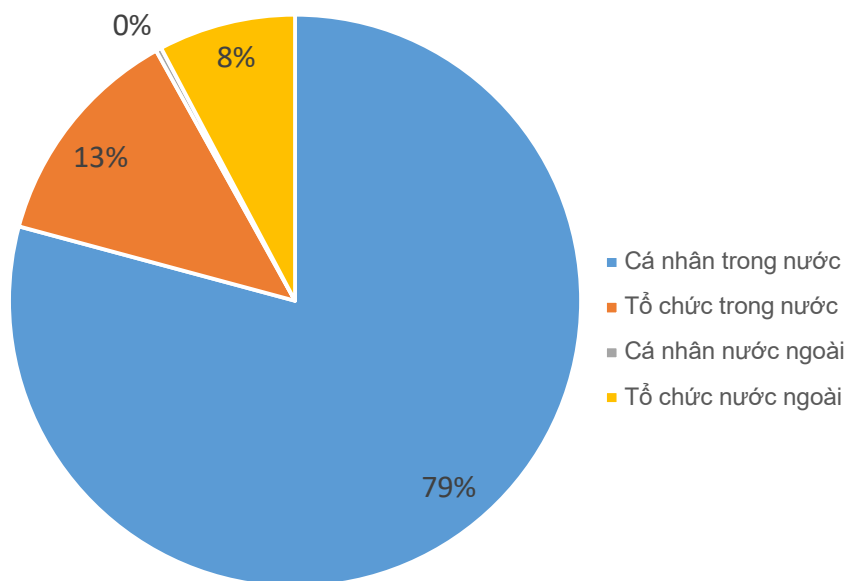
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	12,592	VHM	9,036
MWG	10,892	STB	4,182
BID	3,529	MWG	3,860
VHM	3,236	HPG	3,604
SCR	2,554	HDB	2,863

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

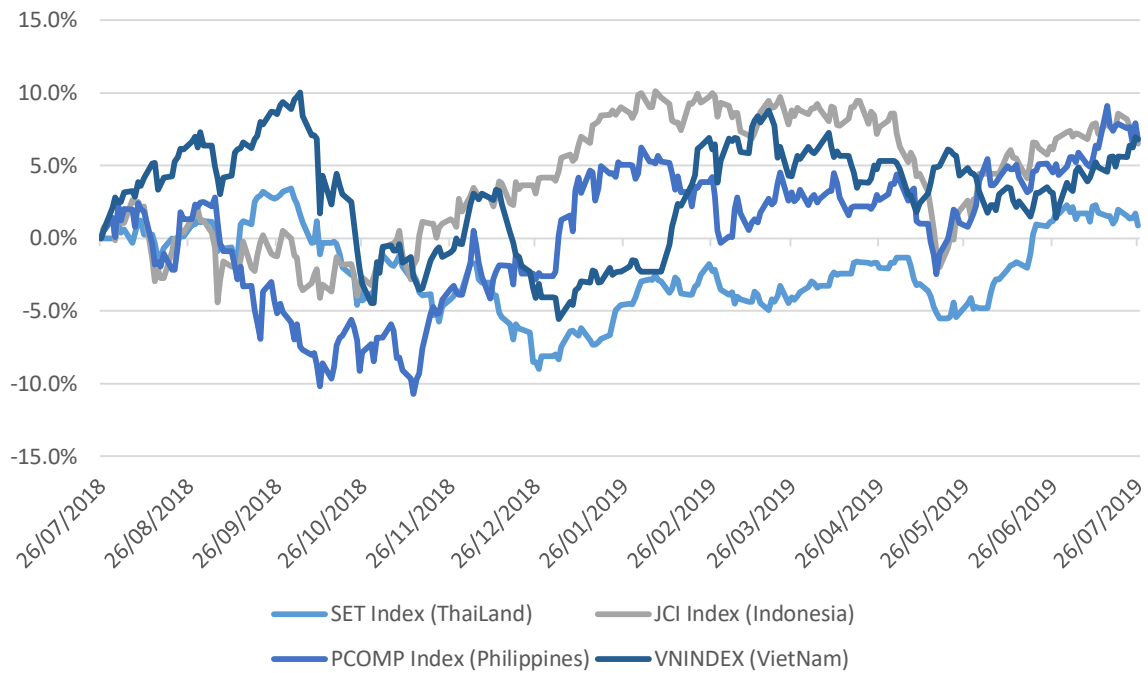


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

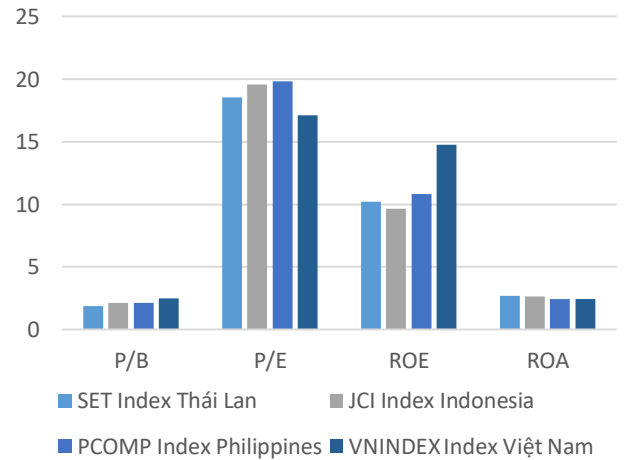
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.1x	2.1x	2.5x
P/E		18.5x	19.6x	19.8x	17.1x
ROE	%	10.19	9.66	10.84	14.76
ROA	%	2.70	2.63	2.43	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	1.9x	2.1x	2.1x	2.5x
GTGD	Triệu USD	18.5x	19.6x	19.8x	17.1x
LS cổ tức	%	10.19	9.66	10.84	14.76

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part and any form or manner, without the express written